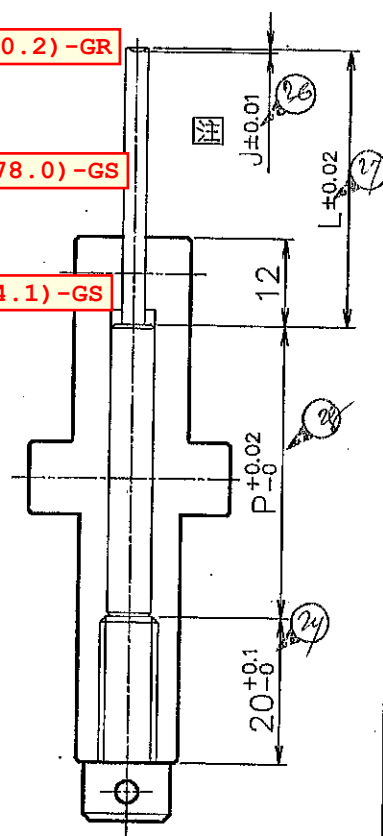
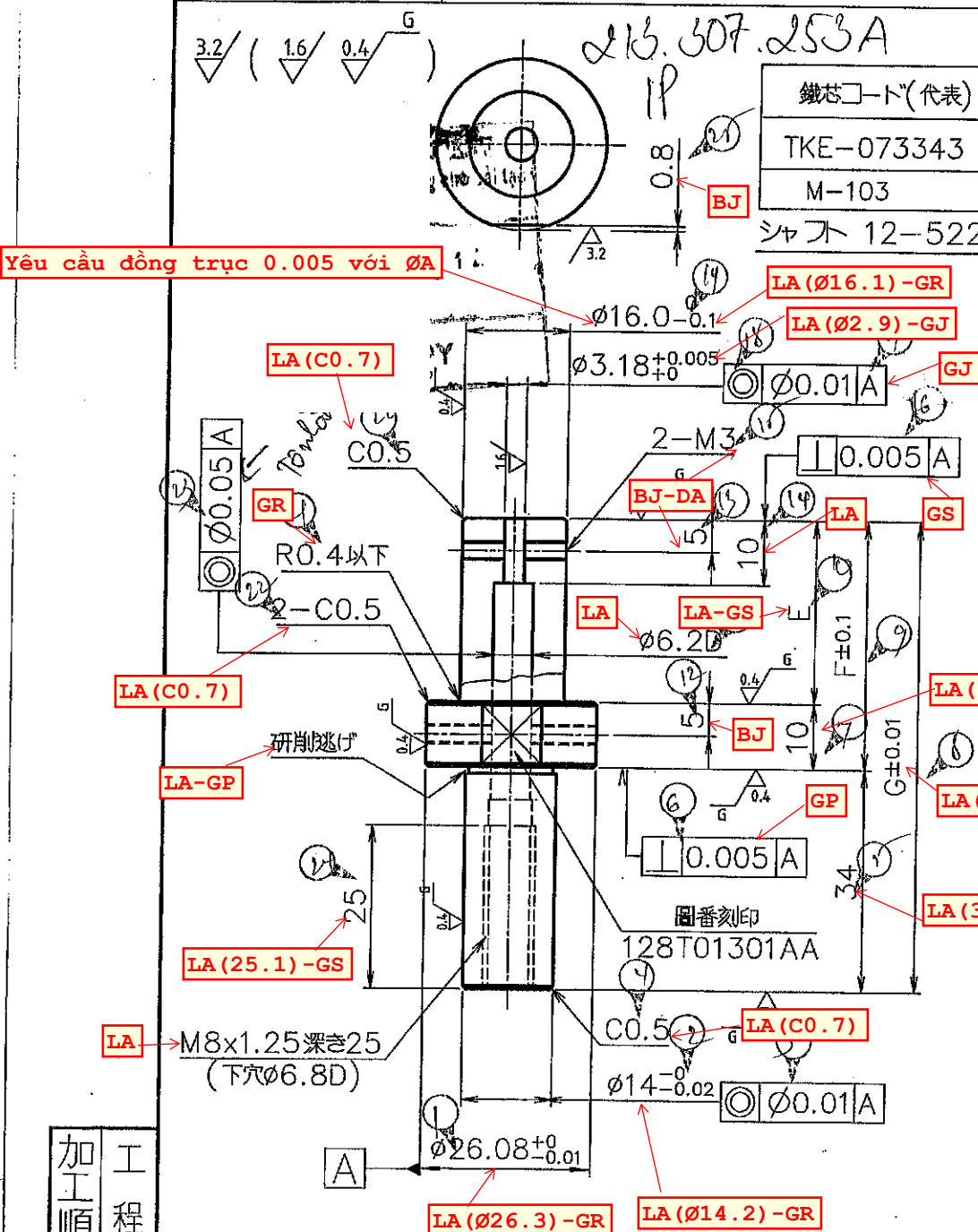


圖面上公差時以圖面公差優先	12.5	10.0
---------------	------	------

鐵芯□-ト”(代表)	E	F±0.1	G±0.01
TKE-073343	33.8	43.8	77.8
M-103	LS: 90.0	A: 37.3	Hc: 23.5

シャフト 12-522AA

各寸法値の算出法

$$\begin{aligned} 1. K &= 65 - A \\ 2. M &= 190 - (L_s + H_c + 5) + J \\ 3. F &= 120 - (L_s + H_c - A) \\ 4. E &= F - 10 \\ 5. G &= F + 34 \\ 6. L &= 77 - A + J \\ 7. P &= F + 2 \\ J &= 0 \quad (\phi 3.17) \quad F_{\text{面}} \quad \text{注} \\ F &= M - K - J \\ L &= K + J + 12 \end{aligned}$$


注記：

1. この部品をセットする時は、カシメ駒(厚み6mm)は下型ダイBに加算してあるので不要です。

Gia nhiệt chân không

S CHUÂN

[illegible]

XH04-128T-01-1-301-AA\A239911.dwg

華洲電機工業股份有限公司 V.2

SNO: **S858556**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: G04(SLDMG) Ø28*83	LA:90 BJ:40 DA:20 HT:40 GR:60 GS:30 GJ:75 GP:30 AF:10 AL:5 KT